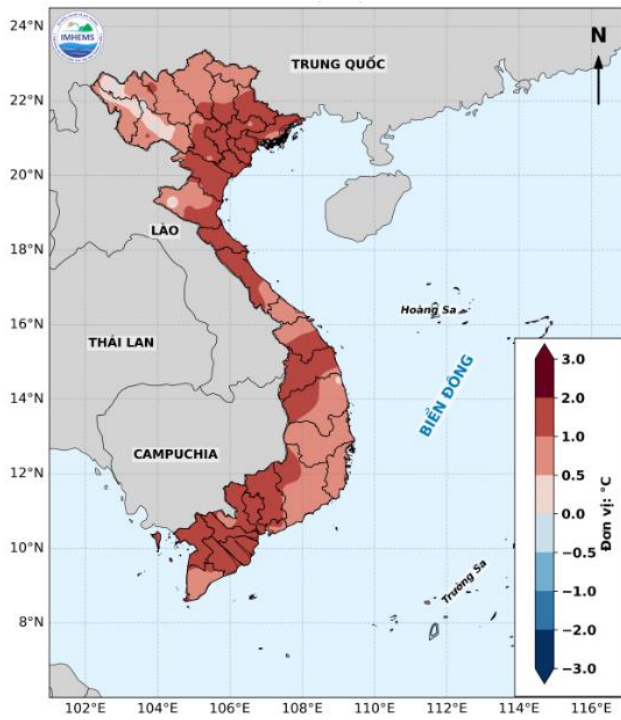
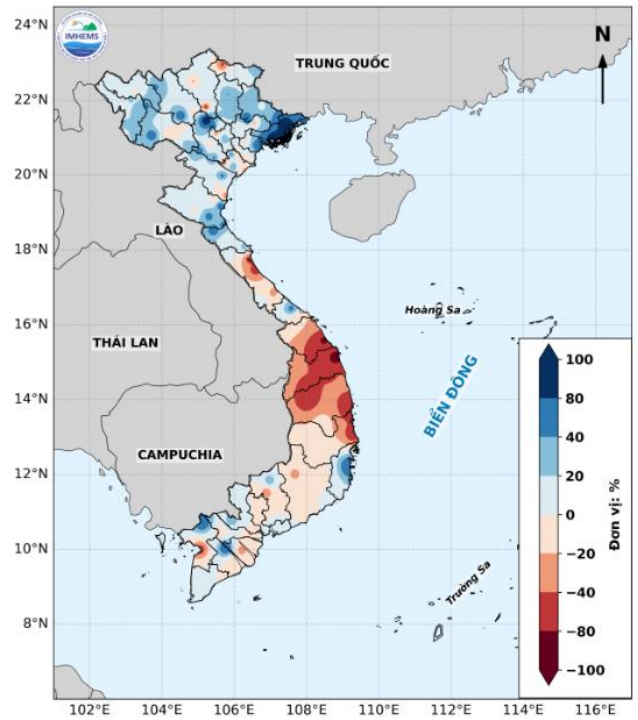


THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 7, 8, 9 NĂM 2026



(a)



(b)

Chuyển sai nhiệt độ (a) và lượng mưa (b) tháng 5/2026

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG VÀ KHÍ HẬU
CENTER FOR METEOROLOGY AND CLIMATE RESEARCH

Hà Nội, tháng 6 – 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	2
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	3
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 3, 4, 5 NĂM 2026	4
1.1. Diễn biến ENSO.....	4
1.2. Diễn biến khí hậu Việt Nam.....	4
1.2.1. Nhiệt độ.....	4
1.2.2. Lượng mưa.....	6
1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm.....	7
1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm.....	8
2.1. Dự báo xu thế ENSO và khí hậu khu vực châu Á.....	11
2.1.1. Dự báo xu thế ENSO.....	11
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực châu Á.....	11
2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam.....	12
2.2.1. Dự báo nhiệt độ.....	12
2.2.2. Dự báo lượng mưa.....	12
2.2.3. Nhận định thời tiết nguy hiểm và khí hậu cực đoan.....	14
PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 7, 8, 9 NĂM 2026.....	15
PHỤ LỤC.....	16

Thông báo và Dự báo khí hậu do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, Bộ Nông nghiệp và Môi trường biên tập và xuất bản hàng tháng.

Nội dung của “Thông báo và Dự báo khí hậu” được đăng tải trên Internet theo địa chỉ: <http://www.imh.ac.vn>.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, Số 23/62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 - 37 731 410 / +84 24 - 37 756 613

Email: vt_vkttv_khdt@mae.gov.vn.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	A	Chỉ số ẩm (tỷ số giữa lượng mưa và lượng bốc hơi)
2	ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
3	BOM	Cơ quan Khí tượng Úc (Bureau of Meteorology)
4	CPC	Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (Climate Prediction Center)
5	CS	Chuẩn sai
6	ECMWF	Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (European Centre for Medium-Range Weather Forecasts)
7	GMMĐ	Gió mùa mùa đông
8	IRI	Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu, Trường Khí hậu Columbia, Đại học Columbia, Mỹ (International Research Institute for Climate and Society, The Columbia Climate School, Columbia University)
9	JMA	Cơ quan Khí tượng Nhật Bản (Japan Meteorological Agency)
10	KKL	Không khí lạnh
11	KTTV	Khí tượng thủy văn
12	LMNLN	Lượng mưa ngày lớn nhất
13	Met Office	Cơ quan Khí tượng Vương quốc Anh
14	Météo-France	Cơ quan Khí tượng quốc gia Pháp
15	NCEP	Trung tâm dự báo môi trường quốc gia Hoa Kỳ (National Centers for Environmental Prediction)
16	NĐTB	Nhiệt độ trung bình
17	NĐTCTB	Nhiệt độ tối cao trung bình
18	NĐTCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
19	NĐTTTB	Nhiệt độ tối thấp trung bình
20	NĐTTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
21	SNM	Số ngày mưa
22	SOI	Chỉ số dao động Nam (Southern Oscillation Index)
23	SST	Nhiệt độ mặt nước biển (Sea Surface Temperature)
24	SSTA	Chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (Surface Temperature Anomaly)
25	TBD	Thái Bình Dương
26	TBNN	Trung bình nhiều năm
27	TLBH	Tổng lượng bốc hơi
28	TLM	Tổng lượng mưa
29	TSGN	Tổng số giờ nắng
30	XĐ	Xích đạo
31	XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

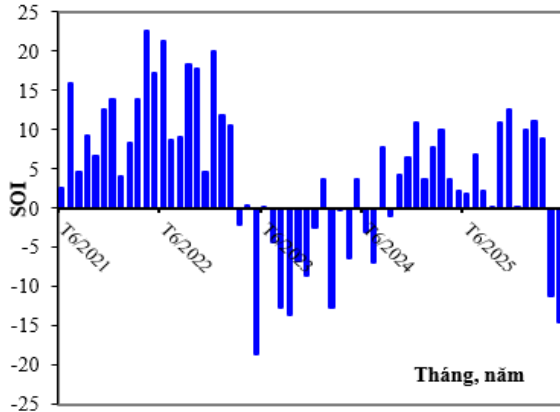
DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Diễn biến chỉ số SOI (6/2021 - 5/2026)	4
Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (6/2021 - 5/2026)	4
Hình 1.3. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (°C).....	5
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 5/2026 (°C).....	5
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (°C).....	5
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 5/2026 (°C).....	5
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (°C).....	5
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 5/2026 (°C).....	5
Hình 1.9. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (mm).....	6
Hình 1.10. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (%).....	6
Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng 5/2026 (mm).....	6
Hình 1.12. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 5/2026 (%).....	6
Hình 1.13. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (ngày)	7
Hình 1.14. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 5/2026 (ngày)	7
Hình 1.15. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (giờ)	7
Hình 1.16. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 5/2026 (giờ)	7
Hình 1.17. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (mm).....	8
Hình 1.18. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 5/2026 (mm).....	8
Hình 1.19. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 3-5 năm 2026.....	8
Hình 1.20. Phân bố chỉ số ẩm tháng 5/2026.....	8
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 7-9 năm 2026	11
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 7-9 năm 2026	11
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 7-9 năm 2026 cho khu vực châu Á.....	12
Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 7-9 năm 2026	12
Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 7-9 năm 2026 cho khu vực châu Á.....	12
Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 7-9 năm 2026.....	12
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 7-9 năm 2026.....	13
Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 7-9 năm 2026	14

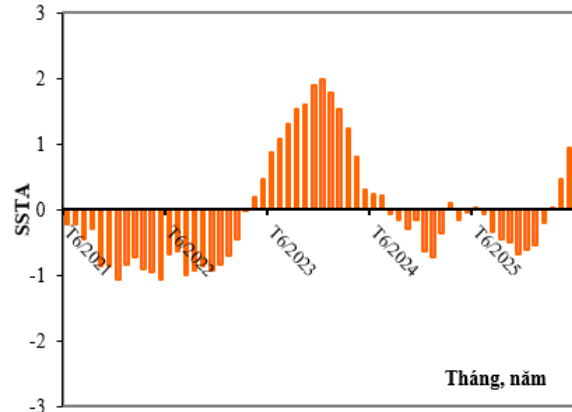
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 3, 4, 5 NĂM 2026

1.1. Diễn biến ENSO

Bản tin của Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC) ngày 11/6/2026: Trong tháng 5/2026, *trạng thái khí quyển - đại dương phản ánh sự khởi phát của các điều kiện El Niño*. Trên khu vực xích đạo Thái Bình Dương, trong 3 tháng qua, chỉ số dao động Nam (SOI) là 8,9; -11,2 và -14,5 (Hình 1.1). Tại khu vực NINO3.4, SSTA có giá trị lần lượt là 0,03°C; 0,47°C và 0,94°C (Hình 1.2).



Hình 1.1. Diễn biến chỉ số SOI (6/2021 - 5/2026)
(Nguồn: www.bom.gov.au)



Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (6/2021 - 5/2026)
(Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>)

1.2. Diễn biến khí hậu Việt Nam

1.2.1. Nhiệt độ

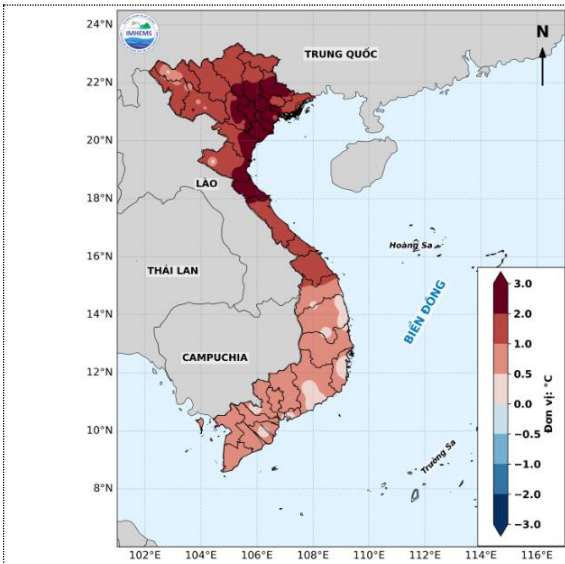
NĐTB mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 khoảng từ 18,6 đến 30°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2,8°C trên toàn lãnh thổ (Hình 1.3). NĐTB tháng 5/2026 từ 20,3 đến 30,8°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến gần 2°C trên hầu hết diện tích cả nước (Hình 1.44).

Nhiệt độ tối cao trung bình (NĐTCTB) mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 dao động từ 21,7 đến 35,4°C; cao hơn TBNN từ 0,1 đến 3°C trên hầu khắp lãnh thổ (Hình 1.55). NĐTCTB tháng 5/2026 trong khoảng từ 23,3 đến 36,1°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 2°C trên hầu hết diện tích nước ta, thấp hơn khoảng 0,5°C ở một vài nơi thuộc Tây Bắc (Hình 1.6).

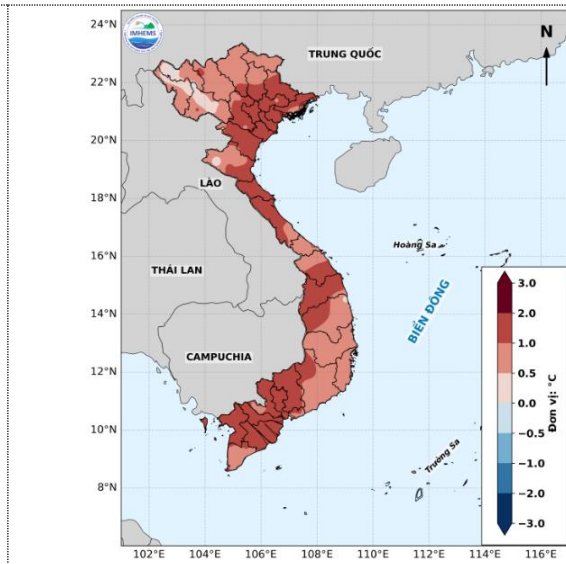
Nhiệt độ tối cao tuyệt đối (NĐTCTĐ) mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 và trong tháng 5/2026 phổ biến từ 30 đến 41°C. Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 5/2026 là 41,2°C tại trạm Con Công vào ngày 27.

Nhiệt độ tối thấp trung bình (NĐTTTB) mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 từ 15 đến 27,2°C, cao hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 2,5°C trên phạm vi cả nước (Hình 1.7). NĐTTTB tháng 5/2026 từ 16,8 đến 28,4°C; cao hơn TBNN phổ biến từ 0,2 đến gần 2°C trên hầu hết lãnh thổ (Hình 1.8).

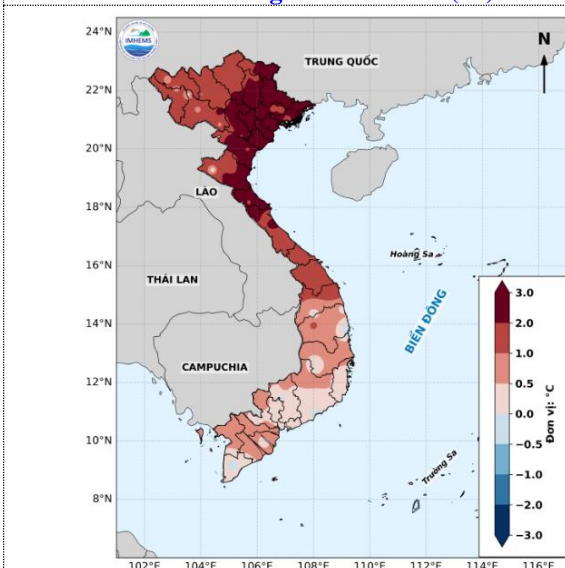
Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (NĐTTĐ) mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 phổ biến từ 10 đến 24°C và trong tháng 5/2026 chủ yếu từ 14 đến 25°C. Giá trị thấp nhất quan trắc được tại trạm Sa Pa vào ngày 4.



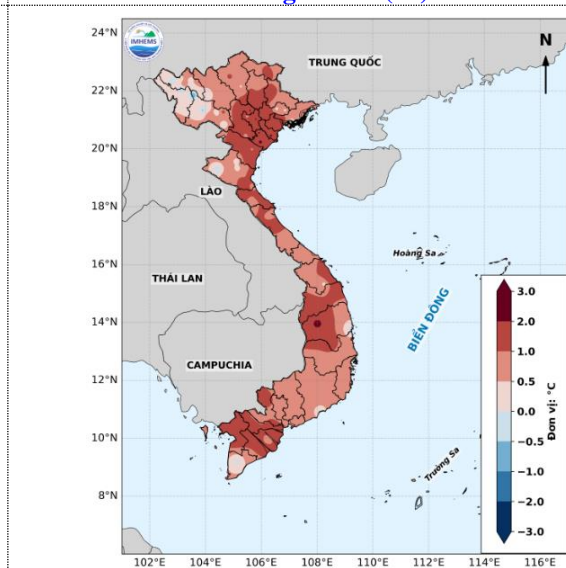
Hình 1.3. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (°C)



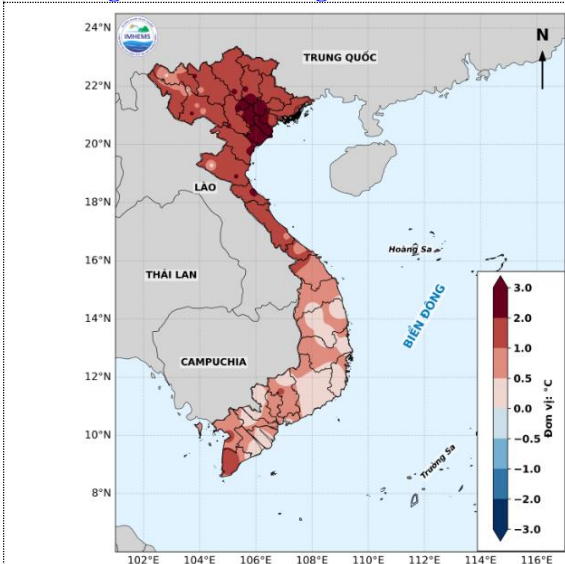
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 5/2026 (°C)



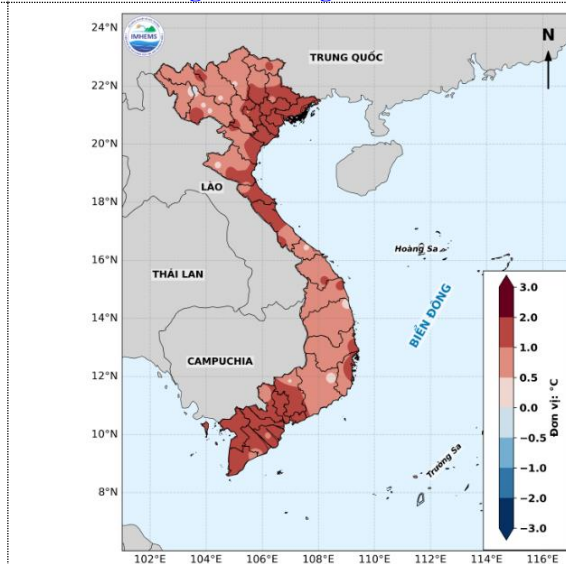
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (°C)



Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 5/2026 (°C)



Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (°C)



Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 5/2026 (°C)

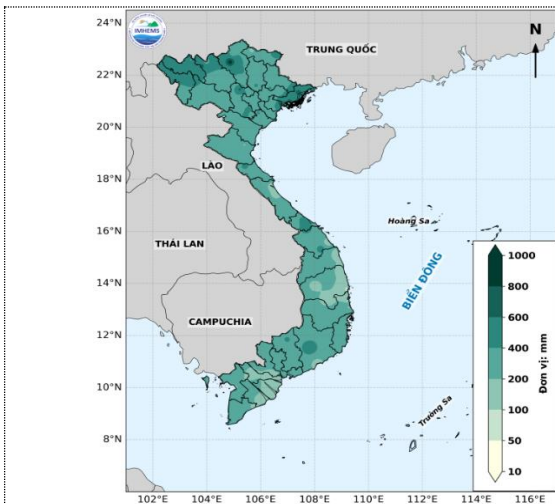
1.2.2. Lượng mưa

Trong mùa 3 tháng 3-5 năm 2026, tổng lượng mưa (TLM) trên đại bộ phận diện tích nước ta từ 200 đến 600 mm; một phần diện tích Nam Trung Bộ và Tây Nam Bộ có TLM dưới 200 mm (Hình 1.9). Lượng mưa thấp hơn TBNN chủ yếu từ 5 đến 40% trên phần lớn lãnh thổ (Hình 1.10).

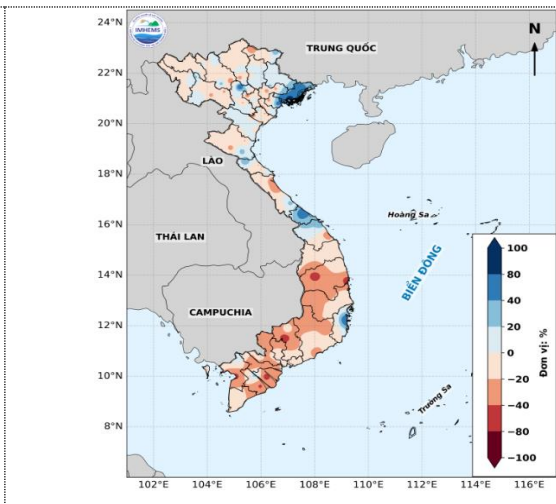
Trong tháng 5/2026, ở Bắc Bộ và phía nam của cao nguyên Trung Bộ có TLM phổ biến 200 - 400mm; đại bộ phận diện tích Trung Bộ và Nam Bộ có TLM chủ yếu từ 50 đến 200 mm (Hình 1.11). Lượng mưa cao hơn TBNN phổ biến 5 - 60% xảy ra ở Bắc Bộ, khu vực từ Thanh Hoá đến Hà Tĩnh và đa phần Tây Nam Bộ; thấp hơn TBNN khoảng 5 đến 50% ở phần lớn Trung Bộ và Đông Nam Bộ (Hình 1.12).

Lượng mưa ngày lớn nhất (LMNLN) trong mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 phổ biến từ 30 đến 130 mm và trong tháng 5/2026 phổ biến từ 20 đến 100 mm. Giá trị lớn nhất của LMNLN tháng 5/2026 là 241 mm quan trắc được tại trạm Bãi Cháy vào ngày 17.

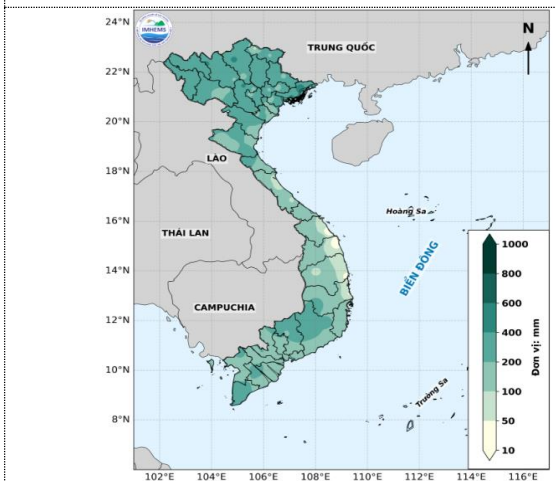
Số ngày mưa (SNM) trong mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 thấp hơn TBNN từ 1 đến 20 ngày trên hầu hết diện tích cả nước, trong đó khu vực Đông Bắc Bộ có hụt chuẩn nhiều nhất (Hình 1.13). Trong tháng 5/2026, SNM thấp hơn TBNN từ 1 đến 10 ngày trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ, cao hơn TBNN 1 đến 3 ngày ở Tây Bắc (Hình 1.14).



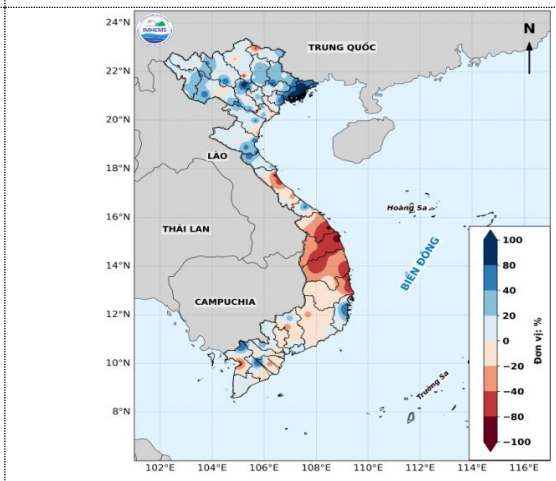
Hình 1.9. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (mm)



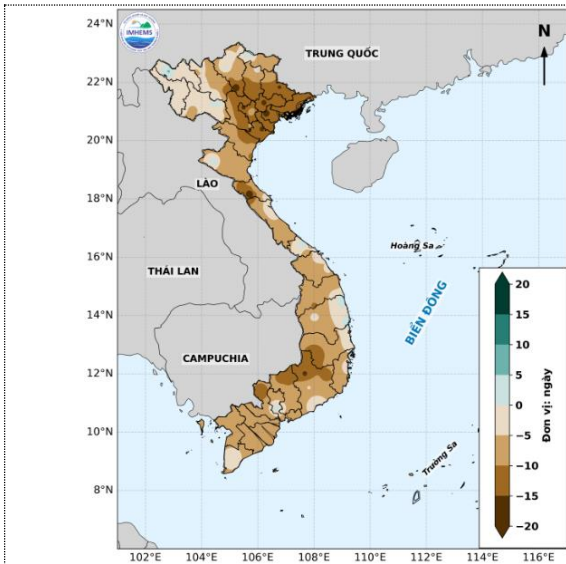
Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (%)



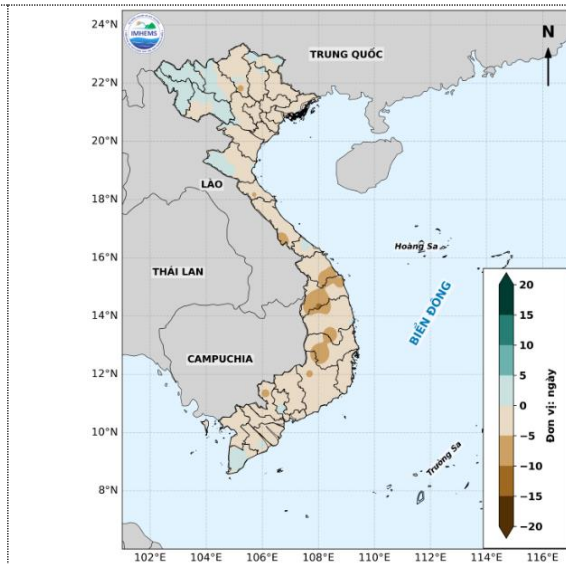
Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng 5/2026 (mm)



Hình 1.12. Phân bố chuẩn sai lượng mưa tháng 5/2026 (%)



Hình 1.13. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (ngày)



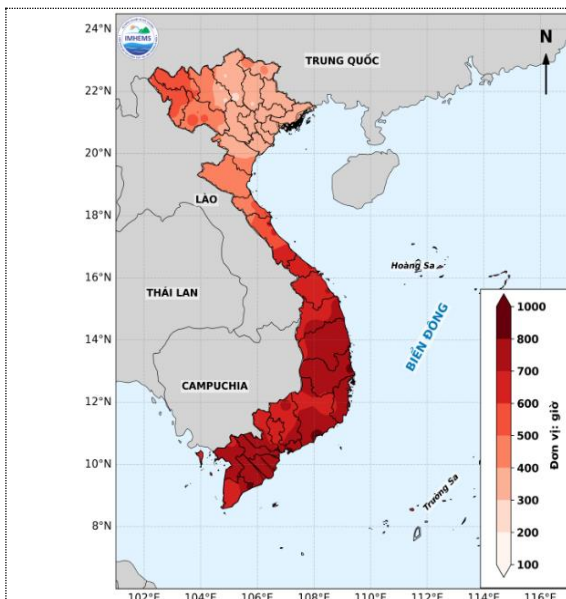
Hình 1.14. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 5/2026 (ngày)

1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm

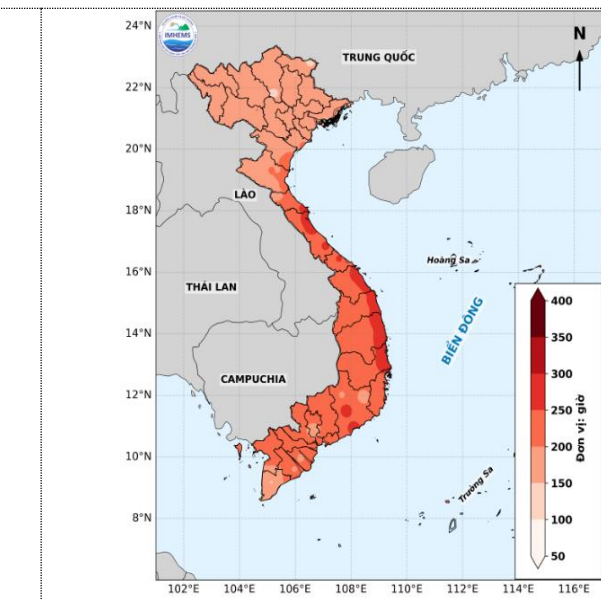
Tổng số giờ nắng (TSGN) mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 ở phía Bắc từ 300 đến 500 giờ; ở phía Nam từ 500 đến 800 giờ. Trong tháng 5/2026, TSGN ở nước ta phổ biến 150 đến 270 giờ, trong đó cao nhất ở ven biển Nam Trung Bộ (Hình 1.15 và Hình 1.16).

Tổng lượng bốc hơi (TLBH) mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 ở phía Bắc chủ yếu từ 150 đến 400 mm; trong đó, phía Nam cao hơn phía Bắc. Trong tháng 5/2026, TLBH trên phần lớn nước ta dao động từ 50 đến 130 mm, trong đó, Bắc Bộ có TLBH thấp nhất cả nước (Hình 1.17 và Hình 1.18).

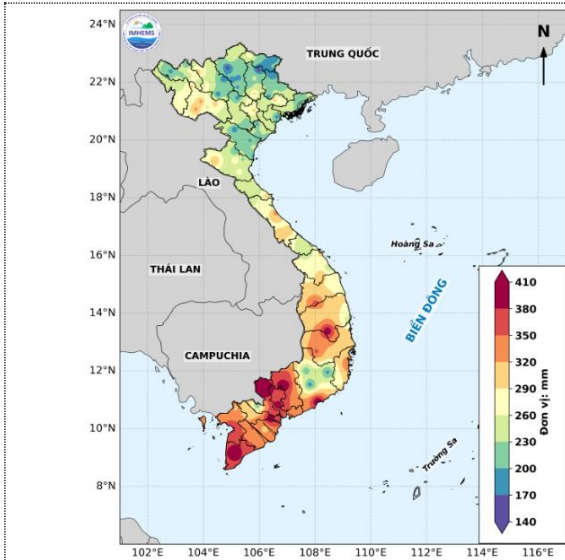
Trong mùa 3 tháng 3-5 năm 2026, thiếu hụt ẩm xảy ra chủ yếu ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ (chỉ số ẩm A nhỏ hơn 1). Tháng 5/2026, thiếu hụt ẩm chỉ còn xảy ra ở một phần ven biển Nam Trung Bộ. (Hình 1.19, Hình 1.20).



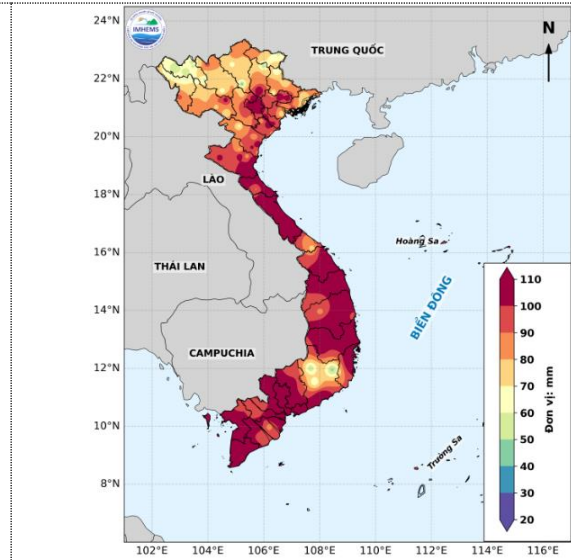
Hình 1.15. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (giờ)



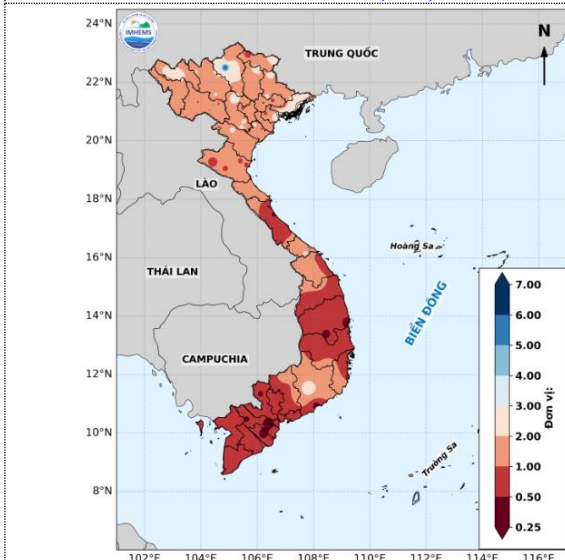
Hình 1.16. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 5/2026 (giờ)



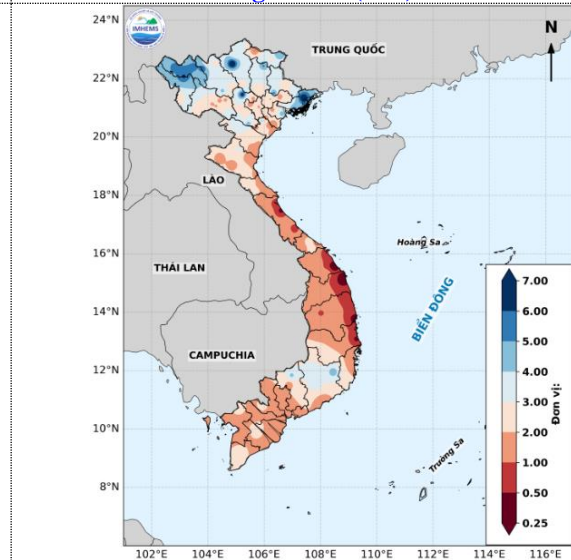
Hình 1.17. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 (mm)



Hình 1.18. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 5/2026 (mm)



Hình 1.19. Phân bố chỉ số âm mùa 3 tháng 3-5 năm 2026



Hình 1.20. Phân bố chỉ số âm tháng 5/2026

1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

Không khí lạnh (KKL): Trong 3 tháng qua có 6 đợt KKL, trong đó tháng 3 và tháng 4/2026 có 4 đợt, tháng 5/2026 có 2 đợt. Các đợt KKL trong tháng 5/2026 bắt đầu ảnh hưởng đến nước ta từ ngày 03 và 08/5, chủ yếu làm giảm nhiệt ở Bắc Bộ, gây mưa rào và dông ở một số nơi thuộc Bắc Bộ, khu vực Thanh Hoá đến Huế.

Mưa lớn: Có 2 đợt mưa lớn xảy ra trong mùa 3 tháng qua, trong đó, tháng 3/2026 có 1 đợt và tháng 5/2026 có 1 đợt. Đợt mưa ngày 19-21/5, do ảnh hưởng của đới gió Đông Nam hoạt động mạnh, kết hợp hội tụ gió trên cao và điều kiện khí quyển bất ổn trong giai đoạn chuyển mùa, gây mưa to đến rất to trên diện rộng tại Đông Bắc Bộ, lượng mưa cả đợt phổ biến 100 đến 200 mm, có nơi trên 250mm; riêng Quảng Ninh, mưa to đến rất to từ ngày 17-21/5, lượng mưa cả đợt khoảng 100 đến trên 700mm. Một số nơi xuất hiện mưa cực đoan với cường suất lớn như Quảng Hà (311mm/ngày), Bãi Cháy (241mm/ngày).

Nắng nóng: Trong mùa 3 tháng qua, có 8 đợt nắng nóng diện rộng xảy ra, trong đó, tháng 3, tháng 4/2026 có 4 đợt, tháng 5/2026 có 4 đợt. Đợt nắng nóng ngày 13-17/5 và 22-

28/5 xảy ra Bắc Bộ, Thanh Hóa đến Huế và duyên hải Nam Trung Bộ, trong đó, đợt 13-17/4, nhiệt độ tối cao phổ biến 35-39°C, có nơi trên 40°C; đợt 22-28/5, nhiệt độ tối cao phổ biến 36-40°C, có nơi trên 41°C. Khu vực Nam Bộ, nắng nóng xuất hiện trong phần lớn tháng 5. Đợt nắng nóng kéo dài từ đầu tháng đến ngày 18/5 ở Đông Nam Bộ (nhiệt độ tối cao phổ biến từ 36-38°C); từ ngày 1-3/5 và từ ngày 9-17/5 ở Tây Nam Bộ (nhiệt độ tối cao phổ biến từ 35-36°C). Đợt 22-26/3 xảy ra trên diện rộng ở Nam Bộ, nhiệt độ phổ biến từ 35-37°C. Riêng khu vực cao nguyên Trung Bộ, nắng nóng chỉ xảy ra cục bộ, chủ yếu ở phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi đến Đắk Lắk.

Dông lốc: Có 25 trận dông lốc xảy ra trong mùa 3 tháng qua, trong đó, tháng 3, tháng 4/2026 có 15 trận (7 trận kèm mưa đá), tháng 5/2026 có 10 trận (1 trận kèm mưa đá). Đáng chú ý, trận dông lốc, mưa đá ngày 02-03/5 xảy ra chủ yếu tại các tỉnh thuộc Bắc Bộ, Trung Bộ, gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản.

Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn (KTTV)

Thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc KTTV trong mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 chủ yếu do mưa lớn, dông lốc, mưa đá, sét gây ra. Theo số liệu thống kê sơ bộ do Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai (<https://phongchongthientai.mard.gov.vn>) công bố, có 16 người chết và mất tích; 40 người bị thương; trên 20,5 nghìn ngôi nhà bị sập, tốc mái, hư hỏng; hơn 24,5 nghìn ha lúa, hoa màu và cây ăn quả bị thiệt hại; gần 4 nghìn con gia súc, gia cầm bị chết và một số thiệt hại khác về cây lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình công cộng...

Diễn biến của khí hậu mùa 3 tháng 3-5 năm 2026:

(1) Nhiệt độ

- Mùa 3 tháng 3-5 năm 2026: Trên hầu hết diện tích nước ta, NĐTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2,8°C; NĐTCTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 3°C; NĐTTTB cao hơn TBNN khoảng 0,1 đến 2,5°C.
- Tháng 5/2026: Trên đại bộ phận lãnh thổ nước ta, NĐTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến gần 2°C; NĐTCTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 2°C; NĐTTTB cao hơn TBNN phổ biến từ 0,2 đến gần 2°C.
- Cực trị nhiệt độ tháng 5/2026: Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 5/2026 là 41,2°C tại trạm Con Công vào ngày 27. Giá trị thấp nhất trong tháng 5/2026 là 11,1°C quan trắc được tại trạm Sa Pa vào ngày 4.

(2) Lượng mưa

- Mùa 3 tháng 3-5 năm 2026: TLM thấp hơn TBNN chủ yếu từ 5 đến 50% trên phần lớn lãnh thổ
- Tháng 5/2026: TLM cao hơn TBNN phổ biến 5 - 60% xảy ra ở Bắc Bộ, Thanh Hoá - Nghệ An và đa phần Tây Nam Bộ; thấp hơn TBNN khoảng 5 đến 50% ở phần lớn Trung Bộ và Đông Nam Bộ. LMNLN phổ biến từ 20 đến 100 mm, với giá trị lớn nhất là 241 mm quan trắc được tại trạm Bãi Cháy vào ngày 17.

(3) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

- Trong mùa 3 tháng 3-5 năm 2026, ghi nhận 6 đợt KKL, 2 đợt mưa lớn diện rộng, 8 đợt nắng nóng diện rộng và 25 trận dông lốc, mưa đá trên lãnh thổ Việt Nam.

PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 7, 8, 9 NĂM 2026

2.1. Dự báo xu thế ENSO và khí hậu khu vực châu Á

2.1.1. Dự báo xu thế ENSO

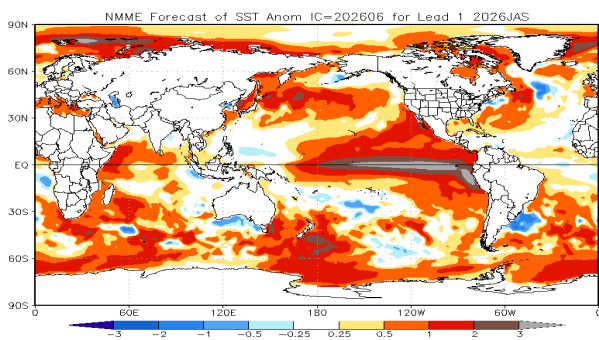
Theo các trung tâm dự báo khí hậu quốc tế (CPC, IRI, BOM và ECMWF), các điều kiện khí quyển – đại dương trên khu vực nhiệt đới Thái Bình Dương đã chuyển sang trạng thái El Niño và nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì đến đầu năm 2027 với xác suất khoảng 95–100%. Về diễn biến cường độ, CPC (22/6/2026) nhận định El Niño có khả năng tiếp tục tăng cường và đạt mức mạnh đến rất mạnh trong mùa 8–10/2026 (xác suất khoảng 70%), trong đó khả năng đạt cường độ rất mạnh trong các mùa 10–12/2026 và 11/2026–01/2027 khoảng 63%. Các dự báo từ IRI và BoM cũng cho thấy dị thường nhiệt độ mặt nước biển trên khu vực nhiệt đới Thái Bình Dương tiếp tục tăng, phản ánh xu thế El Niño đang mạnh lên (Hình 2.1). Phù hợp với xu thế này, ECMWF dự báo dị thường nhiệt độ mặt nước biển (SSTA) tại vùng NINO3.4 trong giai đoạn 7–9/2026 phổ biến ở mức 2,0–3,0°C, cho thấy khả năng xuất hiện một sự kiện El Niño mạnh đến rất mạnh (Hình 2.2).

Hiện nay, điều kiện khí quyển và đại dương đã chuyển sang trạng thái El Niño. Dự báo El Niño có khả năng tiếp tục duy trì đến đầu năm 2027 (xác suất 95-100%). El Niño có xu hướng gia tăng về cường độ, nhiều khả năng đạt cường độ mạnh đến rất mạnh trong mùa 8–10/2026 (xác suất khoảng 70%), và đạt cường độ rất mạnh trong các mùa 10–12/2026 và 11/2026–01/2027 với xác suất khoảng 63% (CPC).

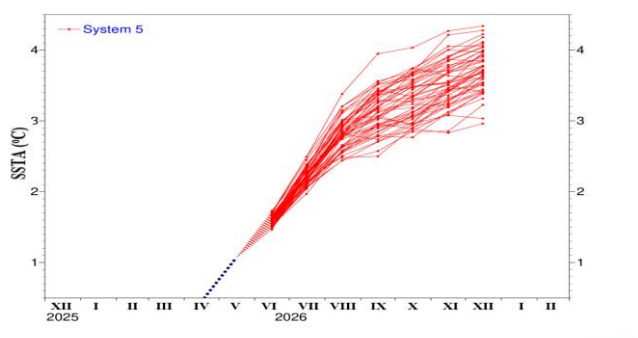
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực châu Á

Nhiệt độ: Dự báo IRI cho mùa 3 tháng 7–9/2026 cho thấy nhiệt độ trung bình có xu thế cao hơn TBNN tại phần lớn khu vực châu Á (xác suất 45–trên 77%), ngoại trừ một số nơi thuộc Tây Á và Đông Nam Á có xu thế xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN (Hình 2.3). ECMWF cũng dự báo nhiệt độ phổ biến cao hơn TBNN khoảng 0–2°C trên phần lớn châu Á, trong khi một số khu vực Trung Á và Tây Bắc Á có xu thế thấp hơn TBNN (Hình 2.4).

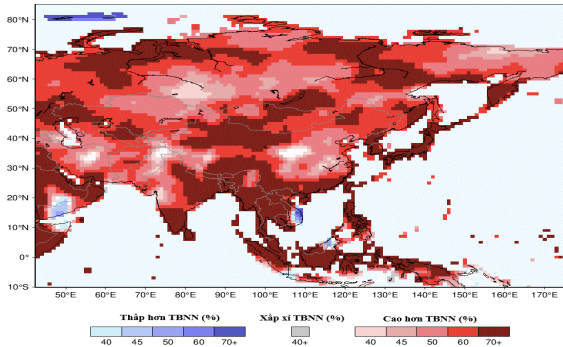
Lượng mưa: Theo IRI, lượng mưa mùa 3 tháng 7–9/2026 có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Bắc Á, trong khi Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á có xu thế xấp xỉ đến thấp hơn TBNN; một số khu vực chưa có tín hiệu rõ ràng (Hình 2.5). ECMWF dự báo lượng mưa có xu thế thấp hơn TBNN ở Bắc Á, Trung Á, nhưng xấp xỉ đến cao hơn TBNN tại Tây Á, Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á (Hình 2.6).



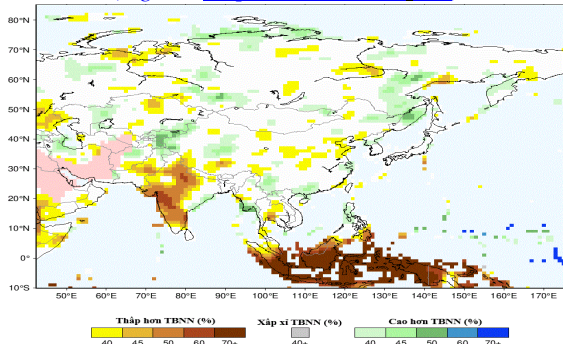
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 7-9 năm 2026
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu>)



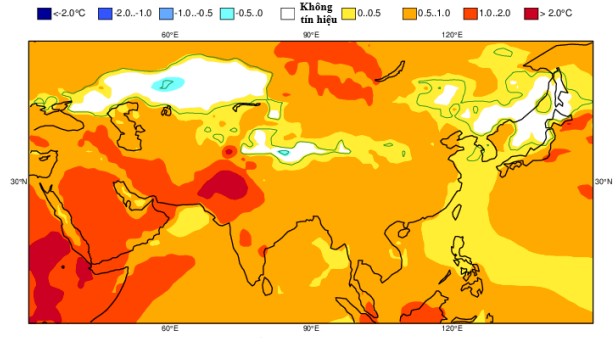
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 7-9 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 7-9 năm 2026 cho khu vực châu Á (Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)

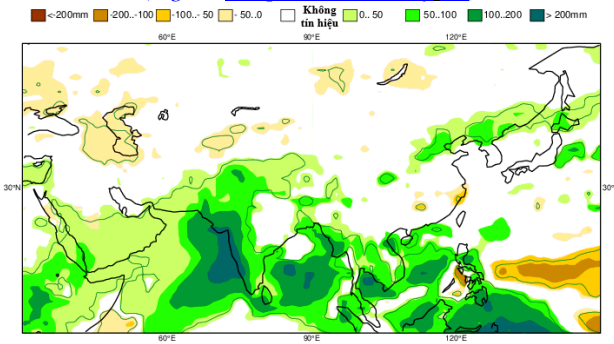


Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 7-9 năm 2026 cho khu vực châu Á (Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 7-9 năm 2026

(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 7-9 năm 2026

(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)

2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam

2.2.1. Dự báo nhiệt độ

Theo dự báo của IRI, trong mùa 3 tháng 7-9/2026, NĐTĐ có khả năng cao hơn TBNN tại Bắc Bộ, khu vực Thanh Hóa đến TP. Huế và Nam Bộ, với xác suất từ 60 đến trên 70%; thấp hơn TBNN tại Duyên hải Nam Trung Bộ và Cao nguyên Trung Bộ, với xác suất khoảng 45-70% (Hình 2.3).

Theo dự báo của ECMWF, trong mùa 3 tháng 7-9/2026, NĐTĐ có xu thế cao hơn TBNN từ 0-1,0°C trên phạm vi cả nước (Hình 2.4).

Ngoài ra, dự báo của các trung tâm khí tượng khác như NCEP, JMA, Met Office, BOM cũng cho thấy trong mùa 3 tháng 7-9/2026, nhiệt độ trung bình có xu thế cao hơn TBNN trên phạm vi cả nước.

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, NĐTĐ mùa 3 tháng 7-9/2026 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết cả nước, với xác suất phổ biến từ 55% đến 100%; thấp hơn TBNN cục bộ ở một số nơi thuộc Bắc Bộ. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ 0,5°C đến 1,5°C (Hình 2.7).

Nhận định: Nhiệt độ trung bình trong mùa 3 tháng 7-9/2026 có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết các khu vực cả nước.

2.2.2. Dự báo lượng mưa

Theo dự báo của IRI, trong mùa 3 tháng 7-9/2026 tại khu vực Việt Nam, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN trên phần lớn diện tích cả nước (Hình 2.5). Tuy nhiên, theo kết quả dự báo của ECMWF, TLM trong mùa 3 tháng 7-9/2026 có xu thế xấp xỉ TBNN tại Bắc Bộ; xấp

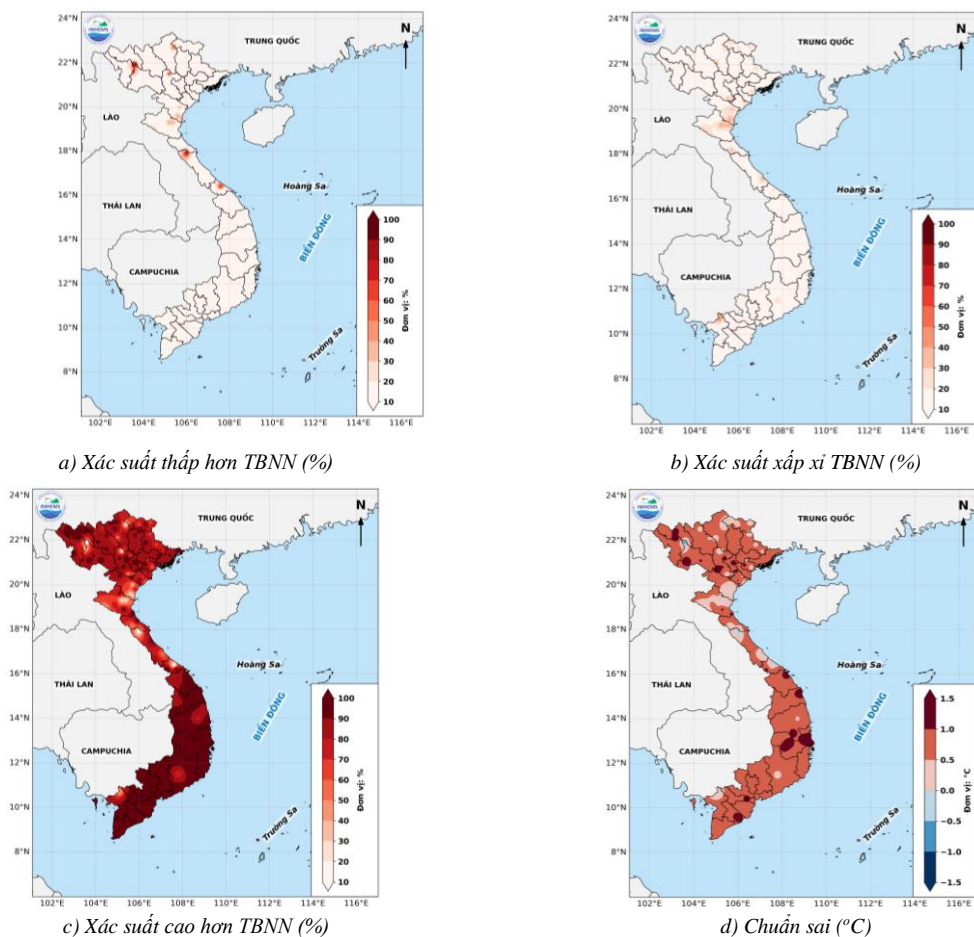
xi đến cao hơn TBNN khu vực từ Quảng Bình đến Huế; cao hơn TBNN tại khu vực Thanh Hóa đến Hà Tĩnh, Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ (Hình 2.6).

Dự báo mùa của các cơ quan NCEP, JMA, Met Office và Météo-France cho thấy trong mùa 3 tháng 7–9/2026, kết quả dự báo TLM giữa các mô hình tương đối đồng nhất. Tại Bắc Bộ, khu vực từ Thanh Hóa đến TP. Huế, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ đa số các mô hình dự báo TLM có xu thế xấp xỉ TBNN. Trong khi đó, tại Duyên hải Nam Trung Bộ TLM có xu thế thấp hơn đến xấp xỉ TBNN.

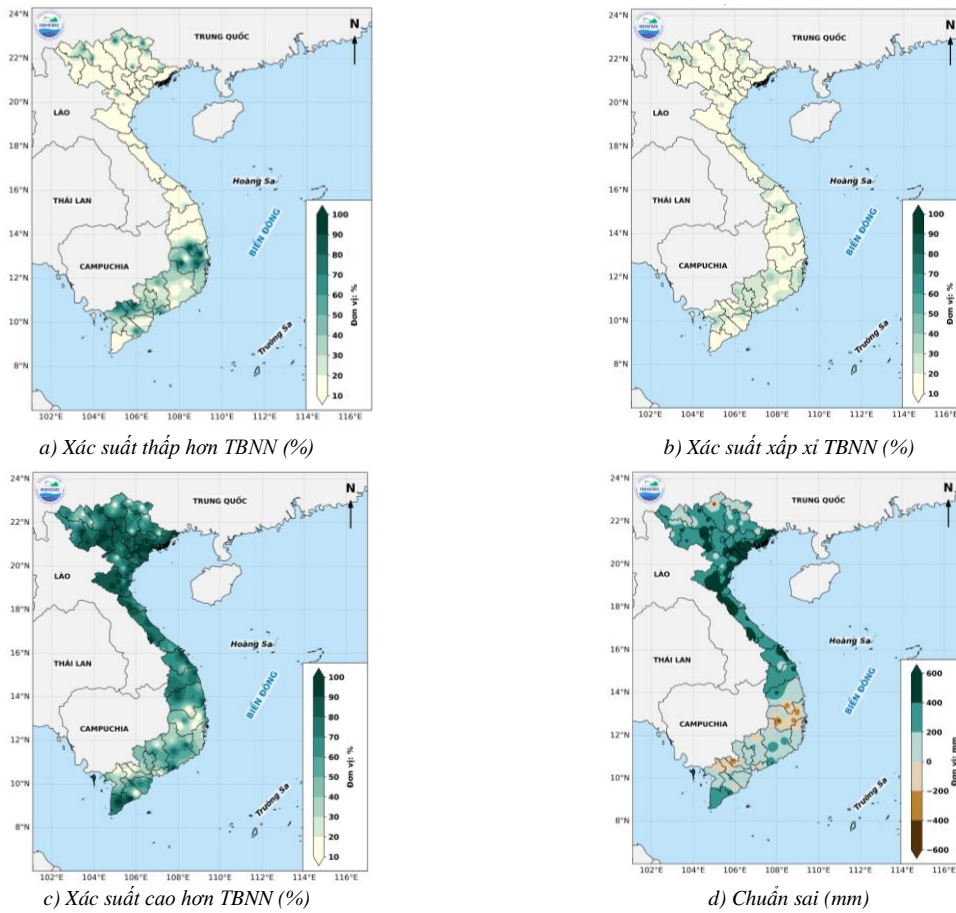
Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, TLM mùa 3 tháng 7–9/2026 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở khu vực Bắc Bộ đến Gia Lai, một phần diện tích khu vực Nam Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ, với xác suất phổ biến từ 35% đến xấp xỉ 100%. Ngược lại, một số khu vực thuộc Cao nguyên Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Nam Bộ và cục bộ một số nơi ở Bắc Bộ có khả năng xuất hiện TLM xấp xỉ đến thấp hơn TBNN, với xác suất phổ biến từ 33% đến 99%. Chuẩn sai TLM mùa 3 tháng được dự báo phổ biến trong khoảng từ -200 mm đến 600 mm (Hình 2.8).

Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 7-9 năm 2026 tại một số điểm được thể hiện tại Bảng 3 phần Phụ lục.

Nhận định: Trong mùa 3 tháng 7-9/2026, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ, khu vực từ Thanh Hóa đến TP. Huế, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ.



Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 7-9 năm 2026



Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 7-9 năm 2026

2.2.3. Nhận định thời tiết nguy hiểm và khí hậu cực đoan

- Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ):

Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2026 có khả năng ở mức thấp hơn TBNN (TBNN giai đoạn 1991-2020: 12-13 cơn trên Biển Đông, trong đó 6-7 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam). Mùa bão năm 2026 có khả năng tập trung vào giữa mùa bão.

Trong mùa 3 tháng 7-9/2026, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng ở mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN (TBNN giai đoạn 1991-2020: 6 cơn trên Biển Đông, trong đó có 3-4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

- Nắng nóng:

Trong mùa 3 tháng 7-9 năm 2026, nắng nóng sẽ tiếp tục xuất hiện trên diện rộng tại các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, với cường độ có thể gay gắt hơn TBNN và khả năng sẽ xuất hiện các kỷ lục cao về nhiệt độ.

- Điều kiện khô hạn:

Trong bối cảnh El Niño tiếp tục duy trì đến đầu năm 2027 và có khả năng đạt cường độ từ mạnh đến rất mạnh vào cuối năm 2026, do đó mùa khô 2026/2027 tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng xảy ra tình trạng hạn hán nghiêm trọng trên diện rộng.

PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 7, 8, 9 NĂM 2026

Một số nhận định chính về khí hậu mùa 3 tháng 7, 8, 9 năm 2026

Trên cơ sở phân tích diễn biến khí hậu và kết quả dự báo khí hậu (kết quả mô hình thống kê và động lực của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, bản tin của các trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới), một số nhận định khí hậu mùa 3 tháng 7-9 năm 2026 như sau:

1) Hoạt động của ENSO:

Hiện nay, điều kiện khí quyển và đại dương đã chuyển sang trạng thái El Niño. Dự báo El Niño tiếp tục duy trì đến đầu năm 2027 (xác suất 95-100%). El Niño có xu hướng gia tăng về cường độ, nhiều khả năng đạt cường độ mạnh đến rất mạnh trong mùa 8-10/2026 (xác suất khoảng 70%), và đạt cường độ rất mạnh trong các mùa 10-12/2026 và 11/2026-01/2027 với xác suất khoảng 63% (CPC).

(2) Gió mùa:

- Cường độ gió mùa mùa hè (GMMH) có khả năng xấp xỉ đến mạnh hơn TBNN ở giữa mùa (tháng 7-8), sau đó suy yếu dần, cường độ xấp xỉ đến yếu hơn TBNN vào cuối mùa.
- Thời điểm kết thúc GMMH có khả năng sớm hơn đến xấp xỉ TBNN.

(3) Nhiệt độ:

Trong mùa 3 tháng 7-9/2026, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết các khu vực cả nước.

(4) Lượng mưa:

Trong mùa 3 tháng 7-9/2026, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ, khu vực từ Thanh Hóa đến TP. Huế, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ.

(5) Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan:

- *Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ)*: Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2026 có khả năng ở mức thấp hơn TBNN (TBNN: 12-13 cơn trên Biển Đông, trong đó 6-7 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam). Mùa bão năm 2026 có khả năng tập trung vào giữa mùa bão.

- Trong mùa 3 tháng 7-9/2026, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng thấp hơn đến xấp xỉ TBNN (6 cơn trên Biển Đông và 3-4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

- *Nắng nóng*: Trong mùa 3 tháng 7-9 năm 2026, nắng nóng sẽ tiếp tục xuất hiện trên diện rộng tại các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, với cường độ có thể gay gắt hơn TBNN và khả năng sẽ xuất hiện các kỷ lục cao về nhiệt độ.

- *Điều kiện khô hạn*: Mùa khô 2026/2027 tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng xảy ra tình trạng hạn hán nghiêm trọng trên diện rộng.

PHỤ LỤC

Bảng 1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 5/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu

Trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)		Nhiệt độ tối cao (°C)			Nhiệt độ tối thấp (°C)		
	NĐTB	CS	NĐCTB	CS	NĐCTĐ	NĐTTB	CS	NĐTTĐ
Điện Biên	26,4	0,7	32,5	0,5	37,0	22,8	0,8	20,2
Sơn La	24,8	-0,3	30,1	-0,6	34,3	21,6	0,3	18,2
Sa Pa	20,4	1,5	23,3	0,8	28,3	18,3	1,9	11,1
Bắc Quang	27,5	0,7	33,1	1,1	39,4	24,4	0,8	19,4
Lạng Sơn	26,9	1,2	31,4	1,0	37,0	23,8	1,4	17,0
Thái Nguyên	28,7	1,3	32,9	1,3	39,0	25,8	1,3	20,8
Láng	30,0	1,9	34,6	2,1	41,1	27,0	1,7	20,4
Bãi Cháy	28,0	0,8	30,4	0,2	35,5	26,0	1,0	20,2
Phù Liên	27,7	1,0	32,2	1,5	38,5	25,3	1,0	18,5
Thanh Hoá	29,1	1,6	32,9	1,5	39,5	26,3	1,3	20,8
Vinh	29,6	1,2	33,7	0,9	40,0	26,6	1,0	21,5
Huế	28,6	0,5	34,6	0,8	38,2	24,7	0,4	20,6
Đà Nẵng	29,4	0,9	34,5	1,1	38,4	26,1	0,7	24,1
Quy Nhơn	29,9	0,5	33,3	-0,1	36,2	27,6	0,8	25,7
Nha Trang	29,7	0,9	33,0	0,5	35,3	27,3	1,3	25,1
Phan Thiết	29,6	0,8	33,3	0,3	37,2	26,9	0,8	24,6
Plây cu	25,5	1,2	32,1	2,3	35,0	21,6	0,7	19,0
B.M. Thuật	27,0	1,0	33,1	0,9	36,2	23,2	0,9	21,9
Đà Lạt	20,3	0,6	25,6	0,6	28,0	16,8	0,3	12,8
Tân Sơn Hoà	30,8	1,3	35,7	0,8	38,0	28,1	1,6	25,2
Vũng Tàu	30,3	0,9	33,5	0,9	35,5	28,1	1,3	23,5
Rạch Giá	30,4	1,3	33,8	1,5	36,1	28,4	1,9	24,9
Cần Thơ	29,8	1,4	34,8	1,4	36,9	26,9	1,4	23,7
Cà Mau	29,6	0,8	33,4	-0,1	35,0	27,6	1,6	24,8

(Chú thích: NĐTB: Nhiệt độ trung bình; CS: Chuẩn sai; NĐCTB: Nhiệt độ tối cao trung bình; NĐCTĐ: Nhiệt độ tối cao tuyệt đối; NĐTTB: Nhiệt độ tối thấp trung bình; NĐTTĐ: Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối).

Bảng 2. Đặc trưng lượng mưa tháng 5/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu

Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN (mm)
	TLM (mm)	CS (%)	SNM (ngày)	CS (ngày)	
Điện Biên	216	20,5	19	2,7	65
Sơn La	216	15,8	17	0,4	64
Sa Pa	497	50,9	22	-0,7	67
Bắc Quang	519	-23,8	21	-0,7	98
Lạng Sơn	176	15,7	11	-2,7	80
Thái Nguyên	292	22,0	14	-1,1	74
Láng	227	18,4	14	-0,8	47
Bãi Cháy	519	187,8	12	-1,0	241
Phù Liễn	318	61,9	13	-0,3	176
Thanh Hoá	161	3,9	12	-0,4	69
Vinh	200	46,0	10	-0,6	70
Huế	175	46,8	15	2,8	73
Đà Nẵng	53	-25,6	4	-4,5	42
Quy Nhơn	28	-69,6	9	0,6	17
Nha Trang	141	76,0	6	-2,6	87
Phan Thiết	134	-9,3	11	-1,9	44
Pleiku	81	-62,2	14	-3,3	17
B.M. Thuật	229	-5,5	12	-7,2	74
Đà Lạt	212	-5,3	18	-4,6	36
Tân Sơn Hoà	151	-5,2	13	1,2	44
Vũng Tàu	205	22,7	12	-2,3	67
Rạch Giá	113	-51,8	12	-4,1	35
Cần Thơ	309	74,7	14	-2,1	80
Cà Mau	262	17,2	19	2,2	57

(Chú thích: TLM: Tổng lượng mưa; SNM: Số ngày mưa; CS: Chuẩn sai; LMNLN: Lượng mưa ngày lớn nhất).

Bảng 3. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 7-9 năm 2026

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	X SVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	X SVC (%)
Tây Bắc Bộ									
1	Mường Tè	26,0	0,0	26,3	99,6	1172,2	6,8	1374,7	76,6
2	Sìn Hồ	19,6	0,0	19,9	100,0	1221,9	28,5	1412,4	41,6
3	Lai Châu	26,3	0,0	26,7	99,1	967,2	40,0	1090,3	26,0
4	Điện Biên	25,5	0,0	25,8	99,4	758,8	16,4	905,0	57,4
5	Tuần Giáo	24,9	0,3	25,3	97,3	637,5	0,4	833,6	96,1
6	Sơn La	24,6	0,6	24,9	92,7	607,8	5,0	765,5	78,6
7	Quỳnh Nhai	26,7	96,7	27,0	0,2	725,7	13,8	921,4	54,9
8	Sông Mã	25,7	0,0	26,3	100,0	523,5	0,1	665,8	98,6
9	Yên Châu	26,4	0,4	26,8	94,8	583,5	0,8	672,4	92,4
10	Mộc Châu	22,5	3,2	22,8	82,2	754,7	0,1	948,4	98,8
11	Sa Pa	18,9	0,1	19,4	96,7	1072,6	3,3	1353,3	82,5
12	Hòa Bình	27,8	0,0	28,2	99,5	791,1	12,9	1073,6	59,1
Đông Bắc Bộ									
1	Hà Giang	27,3	0,2	27,7	95,4	1088,5	86,3	1353,3	3,1
2	Bắc Quang	27,5	0,2	27,7	97,0	1830,0	16,7	2207,2	44,5
3	Cao Bằng	26,4	0,1	26,8	96,9	571,4	81,7	677,2	3,1
4	Lạng Sơn	26,2	9,1	26,6	65,1	539,8	3,3	668,4	83,3
5	Tuyên Quang	28,0	0,5	28,3	92,0	660,2	0,1	773,1	97,3
6	Thái Nguyên	28,0	1,6	28,4	83,5	821,7	81,2	1014,5	4,1
7	Yên Bái	27,5	2,4	27,9	81,2	776,9	0,1	1028,9	97,5
8	Móng Cái	27,7	0,1	28,1	95,6	1297,8	0,5	1660,9	93,9
9	Vĩnh Yên	28,6	9,9	28,9	59,6	648,2	0,5	825,4	92,5
10	Việt Trì	28,2	0,4	28,6	93,8	651,7	1,7	816,9	88,5
11	Bắc Giang	28,2	1,2	28,6	87,6	656,4	1,7	763,7	89,0
12	Hải Dương	28,2	0,0	28,5	99,8	652,5	0,0	754,7	100,0
13	Phù Lãng	27,6	14,8	27,8	52,6	748,3	0,0	851,8	99,9
14	Nam Định	28,4	9,6	28,6	62,3	805,3	0,2	893,3	98,3
15	Thái Bình	28,0	2,2	28,3	85,8	736,0	3,0	924,2	84,0
16	Ninh Bình	28,2	0,1	28,5	98,4	794,0	9,0	1068,6	66,8
Thanh Hóa đến TP. Huế									
1	Thanh Hóa	28,0	4,6	28,4	76,8	791,1	0,4	970,4	95,3
2	Bái Thưng	27,6	6,4	28,0	69,9	852,2	31,9	1106,4	35,2
3	Vinh	28,6	0,0	28,9	99,2	711,8	7,9	923,7	70,9
4	Tương Dương	27,3	42,7	27,7	17,4	580,4	0,5	758,1	93,6
5	Hà Tĩnh	28,6	0,1	28,9	97,8	665,6	11,1	1055,7	61,4
6	Tuyên Hoá	27,8	80,1	28,0	3,7	843,0	2,3	1109,8	87,2
7	Đồng Hới	28,5	0,2	28,9	96,8	617,1	1,8	762,3	88,7
8	Đồng Hà	28,4	15,1	28,7	50,7	569,0	8,8	768,6	73,0
9	Huế	28,1	69,3	28,3	7,5	480,7	13,3	771,8	58,7
10	A Lưới	24,3	0,0	24,4	100,0	714,5	11,5	982,6	58,0
Duyên hải Nam Trung Bộ									
1	Đà Nẵng	28,4	0,0	28,7	100,0	444,2	0,2	721,2	97,3
2	Tam Kỳ	28,1	0,5	28,4	94,9	417,0	0,3	643,6	96,0
3	Trà My	26,5	0,0	26,8	99,9	652,6	31,7	923,9	29,8
4	Quảng Ngãi	28,3	0,0	28,6	99,9	359,1	1,4	598,5	89,8
5	Ba Tơ	27,4	0,0	27,7	99,3	588,4	3,5	722,5	77,7
6	Quy Nhơn	29,6	0,0	29,8	99,6	333,0	1,2	385,5	88,6
7	Tuy Hoà	28,6	0,0	28,9	100,0	278,4	7,4	395,6	70,2
8	Sơn Hoà	27,8	0,0	28,1	99,2	381,4	99,6	427,4	0,0
9	Nha Trang	28,3	0,0	28,7	100,0	213,0	32,3	283,6	26,4
10	Trường Sa	28,0	1,2	28,5	88,2	635,5	4,6	819,7	78,3
Cao nguyên Trung Bộ									
1	Kon Tum	24,2	0,0	24,6	100,0	909,7	1,5	1065,3	88,0
2	Đắk Tô	23,2	1,3	23,7	87,3	928,4	3,1	1133,8	75,5
3	Pleiku	22,3	0,0	22,7	93,2	1175,3	0,8	1341,7	91,0

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
4	Ayunpa	26,8	0,0	27,1	100,0	491,1	98,7	585,1	0,0
5	M'Drak	25,5	0,0	25,8	99,9	443,5	91,3	557,7	1,3
6	Đắk Nông	23,0	0,3	23,6	90,4	1134,1	33,5	1379,4	25,5
7	Đà Lạt	18,6	0,0	18,8	99,9	677,9	40,6	804,5	27,6
8	Liên Khương	21,6	0,0	21,9	99,7	526,7	1,9	764,4	89,4
9	Bảo Lộc	22,1	4,2	22,5	69,4	1188,4	2,3	1431,9	81,9
Nam Bộ									
1	Phan Thiết	27,1	0,1	27,5	90,8	451,2	25,4	625,8	36,8
2	Phước Long	25,6	0,0	26,0	100,0	1281,2	55,9	1535,0	14,8
3	Vũng Tàu	27,7	0,0	28,0	99,9	596,2	73,4	704,6	4,5
4	Mỹ Tho	26,9	0,0	27,1	100,0	608,4	35,3	682,4	26,8
5	Cần Thơ	26,8	0,0	27,1	100,0	644,8	3,1	808,0	76,9
6	Rạch Giá	27,7	0,4	28,0	91,8	947,5	26,0	1043,9	35,0
7	Phú Quốc	27,5	0,0	27,8	99,1	1212,9	0,1	1492,7	98,7
8	Sóc Trăng	26,7	0,0	27,1	99,0	780,8	75,7	901,3	3,8
9	Cà Mau	27,3	0,0	27,7	96,8	960,3	0,2	1083,1	98,0

(*) PV1 - Phân vị thứ nhất (trị số ứng với xác suất tích lũy 33 %)

PV2 - Phân vị thứ hai (trị số ứng với xác suất tích lũy 67 %)

XSHC - Xác suất thấp hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa nhỏ hơn PV1)

XSVC - Xác suất cao hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa lớn hơn PV2)

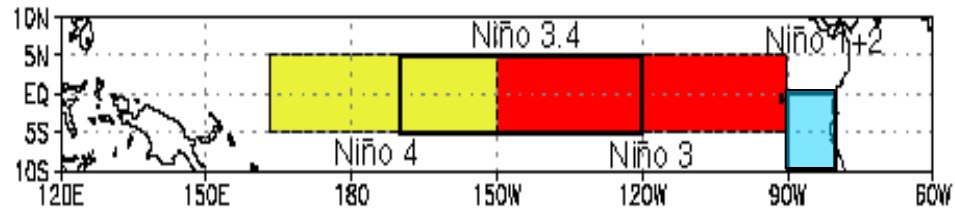
MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ ENSO

El Niño: El Niño là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng nóng lên không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo Thái Bình Dương (TBD) kéo dài từ 3 mùa trở lên, El Niño còn được gọi là "pha nóng".

La Niña: Ngược với El Niño, La Niña là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng lạnh đi không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo TBD kéo dài từ 3 mùa trở lên, La Niña còn được gọi là "pha lạnh".

Trạng thái trung gian: Khi nhiệt độ mặt nước biển ở trạng thái nằm giữa "pha nóng" và "pha lạnh" được gọi là trạng thái trung gian.

Xích đạo TBD
là khu vực nằm
trong khoảng
20°N - 20°S,
100°E - 60°W.



Để xác định các hiện tượng El Niño/La Niña người ta thường dùng trị số chuẩn sai của nhiệt độ mặt nước biển của 4 khu vực NINO1+2, NINO3, NINO4, NINO3,4 thuộc xích đạo TBD. Vị trí của 4 khu vực này được nêu ở hình trên.

Dao động Nam (SO): SO là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng dao động của chênh lệch khí áp giữa tây và trung tâm xích đạo TBD.

Chỉ số Dao động Nam (SOI): SOI được xác định thông qua chênh lệch khí áp mặt biển giữa 2 trạm Tahiti và Darwin.

ENSO: Do 2 hiện tượng El Niño /La Niña (đại dương) và SO (khí quyển) xảy ra trên xích đạo TBD có quan hệ mật thiết với nhau nên chúng được liên kết lại thành một hiện tượng kép, gọi tắt là ENSO./.